

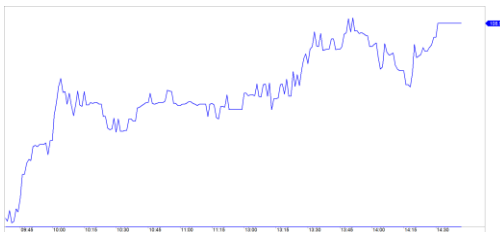
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	937.68	108.51	55.91
% ngày	0.32%	3.56%	0.43%
% tuần	1.27%	5.16%	1.27%
% tháng	-3.19%	6.15%	0.63%
% năm	0.01%	2.33%	0.49%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,086	583	323
TB 1 tuần	3,459	414	260
TB 1 tháng	3,545	367	219
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,001.27	8.94	13.83
Bán	1,048.58	13.81	15.61
Giá trị ròng	-47.31	-4.87	-1.78
Độ rộng TT			
Mã Tăng	209	89	164
Mã Giảm	92	50	80
Không Đổi	88	232	659
Chỉ số chính			
P/E	14.46	9.08	14.54
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,205	202	879
LS Cổ tức	2.42%	5.39%	4.64%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường nối dài xu hướng hồi phục sang phiên thứ 2 liên tiếp nhờ nhóm bluechip tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 937.68 điểm tương ứng mức tăng 0.32%. Chỉ số HNX-Index tăng mạnh 3.57% chốt tại 108.51 điểm trong khi Upcom-Index tăng nhẹ 0.44%. Giá trị giao dịch khớp lệnh tăng mạnh đạt hơn 3,900 tỷ đồng trên toàn thị trường.

Nhóm Ngân hàng giữ nhịp và tiếp tục là nhóm đóng góp chính vào đà tăng của chỉ số. Cụ thể, TCB tăng 2.3% đóng cửa tại 22,650 đồng/cp với khối lượng hơn 3.1 triệu cp. Ngoài ra còn phải kể tới MBB(+2.1%), VPB(+1.8%), STB(+1.8%) trên HSX và ACB(+8%) tăng khá mạnh trên HNX. Nhóm bluechip tiếp tục duy trì xung lực tăng mạnh khi SBT, POW, ROS tăng hết biên độ trong khi CTD(+3.2%), MWG(+2.3%), REE(+1.5%), PNJ(+1.2%). CTG bị chốt lời mạnh khi quay đầu giảm 2% trong phiên ATC mặc dù tăng trong phiên. Nghị viện Châu Âu họp hôm nay 12/02 để bỏ phiếu thông qua hiệp định EVFTA. Có lẽ điều này đã tác động tích cực nhóm Thủy sản, May mặc được cho là hưởng lợi khi tăng khá tốt trong phiên hôm nay. Ngoài ra, nhiều mã Mid-Cap và Small-Cap khác như PC1, DIG, SZC, LSS, FTM AMD, HAI cũng có mức tăng khá mạnh.

Khối ngoại bán ròng với hơn 53.9 tỷ đồng toàn thị trường. KBC(14.6 tỷ), MSN(13.5 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, E1VFN30(27.1 tỷ), HPG(13.7 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục biến động hẹp trong vài phiên tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ đi ngang quanh vùng giá 940 điểm. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu, tức là áp lực bán chốt lời gia tăng ở nhóm cổ phiếu Largecaps và dòng tiền dịch chuyển sang nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là ưu tiên gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 với mức hỗ trợ ở mức 915.39 điểm và 835.23 điểm. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNMidcaps và VNSmallcaps cũng được nâng từ mức GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

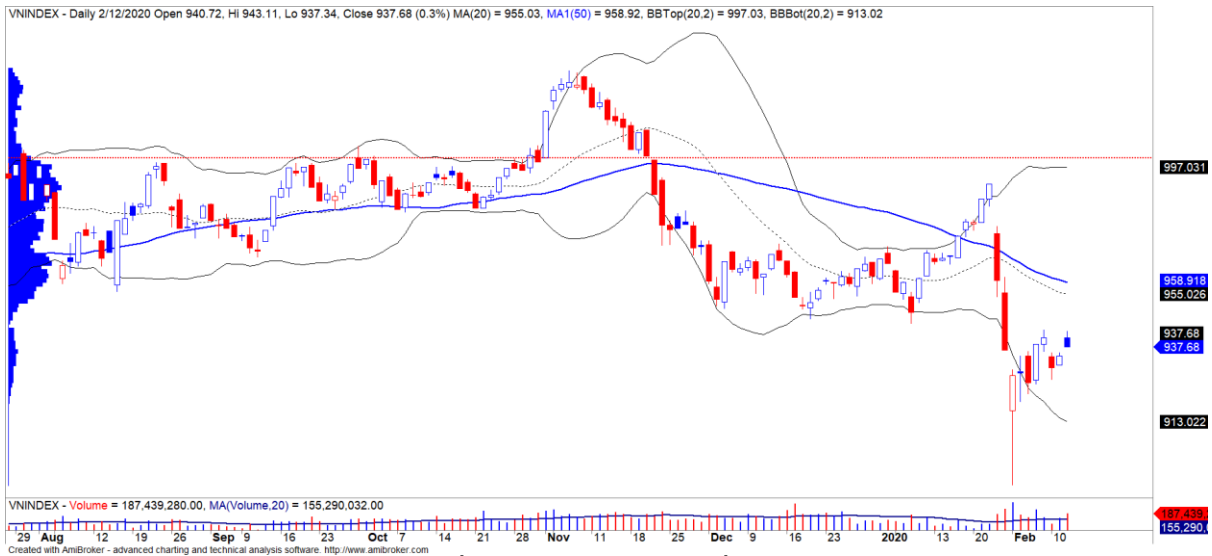
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 43% cổ phiếu/57% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

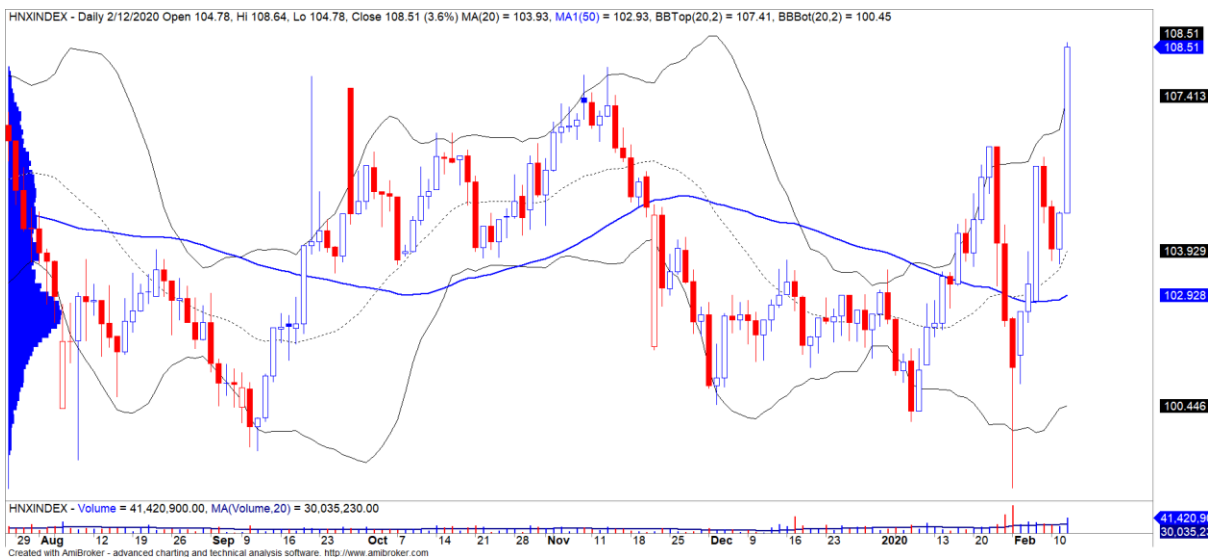


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.35	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	3.35%			13.53		
ACB	25.60	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	6.67%		24.00	22.57	6.67%	
ACV	59.90	GIẢM	GIẢM		61.40				75.00		
ANV	18.90	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	0.53%			23.43		
ASM	5.75	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BFC	11.00	GIẢM	GIẢM		11.04				13.05		
BID	50.80	GIẢM	TĂNG		54.26			33.40	49.22	52.10%	
BMP	41.30	GIẢM	GIẢM		42.80				48.01		
BSR	7.80	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.50	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
BWE	21.60	TĂNG	GIẢM	21.00	19.13	2.86%			24.17		
CEO	8.60	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.90	GIẢM	TĂNG		25.44			26.00	22.83	-8.08%	
CMG	30.40	GIẢM	GIẢM		32.30				37.31		
CMX	14.25	GIẢM	GIẢM		14.27				16.17		
CSM	13.80	GIẢM	GIẢM		14.66				14.75		
CTD	65.00	TĂNG	TĂNG	56.80	57.88	14.44%			61.28		
CTG	27.20	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	32.04%		23.55	22.98	15.50%	
CTR	47.70	GIẢM	TĂNG		48.02			49.70	40.69	-4.02%	
CVT	20.60	TĂNG	GIẢM	20.35	19.38	1.23%			22.18		
DCM	6.06	TĂNG	GIẢM	5.93	5.65	2.19%			6.45		
DGC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	27.10	TĂNG	TĂNG	24.85	24.76	9.05%		25.20	22.71	7.54%	
DHA	32.50	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	2.04%			32.52		
DHC	38.55	GIẢM	TĂNG		40.58			37.70	36.02	2.25%	
DHG	99.50	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	85.65	0.00%	
DIG	12.65	TĂNG	GIẢM	12.65	12.10	0.00%	MUA		14.11		
DPG	26.70	GIẢM	GIẢM		27.66				37.15		
DPM	12.05	TĂNG	GIẢM	12.05	11.87	0.00%	MUA		13.46		
DPR	38.60	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-6.54%	
DQC	14.00	GIẢM	GIẢM		15.14				16.64		
DRC	23.90	GIẢM	GIẢM		24.62				27.34		
DXG	12.80	TĂNG	GIẢM	12.45	11.38	2.81%			14.22		
EIB	17.45	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.97%		18.40	16.46	-5.16%	
FCN	9.74	GIẢM	GIẢM		9.88				10.95		



We Create Fortune

FMC	24.75	GIẢM	GIẢM		25.60			27.29	25.00	-8.40%	BÁN
FPT	54.10	TĂNG	GIẢM	54.10	53.94	0.00%	MUA		58.90		
GAS	86.00	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	19.00	GIẢM	GIẢM		19.77				20.84		
GIL	20.45	TĂNG	TĂNG	20.45	19.25	0.00%	MUA	18.90	16.78	8.20%	
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.77				22.53		
GTN	16.90	GIẢM	GIẢM		17.51				20.52		
GVR	10.80	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HAG	3.58	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HAX	13.95	GIẢM	GIẢM		14.30				16.92		
HBC	11.15	TĂNG	GIẢM	11.15	11.15	0.00%	MUA		12.34		
HCM	18.95	GIẢM	GIẢM		19.82				23.33		
HDB	29.20	TĂNG	GIẢM	28.40	27.99	2.82%		29.95	29.24	-2.38%	MUA
HDC	21.75	TĂNG	GIẢM	21.35	19.42	1.87%			24.90		
HDG	27.65	GIẢM	GIẢM		28.07				31.87		
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	23.80	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	-0.21%	
HSG	7.88	GIẢM	TĂNG		8.64			7.75	7.52	1.68%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVN	27.90	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KBC	14.95	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-2.61%	
KDH	25.30	GIẢM	TĂNG		25.31			24.00	24.98	5.42%	BÁN
KSB	16.95	TĂNG	GIẢM	16.65	14.81	1.80%			17.89		
LCG	6.69	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LDG	6.45	GIẢM	GIẢM		7.03				8.94		
LHG	14.85	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	0.00%			7.29		
MBB	21.65	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-0.69%			22.70		
MPC	23.10	TĂNG	TĂNG	22.00	19.73	5.00%		24.10	19.14	-4.15%	
MSN	50.50	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	13.43	0.00%			16.05		
MWG	109.00	GIẢM	GIẢM		111.46				122.49		
NDN	15.00	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
NKG	8.14	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.49%	BÁN
NLG	26.80	GIẢM	TĂNG		26.97			28.70	26.30	-6.62%	
NT2	21.20	TĂNG	TĂNG	19.80	19.56	7.07%		20.55	20.20	3.16%	MUA
NTL	20.70	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVL	54.40	GIẢM	GIẢM		56.60				59.44		



We Create Fortune

OIL	7.30	GIẢM	GIẢM		7.55				9.17		
PAC	23.40	GIẢM	GIẢM		24.12				26.37		
PC1	15.65	GIẢM	GIẢM		16.05				19.39		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.26%		29.00	25.19	-10.69%	
PHR	39.50	TĂNG	GIẢM	38.50	35.34	2.60%			45.56		
PLX	52.90	GIẢM	GIẢM		53.12				59.63		
PNJ	82.50	GIẢM	GIẢM		85.93				94.79		
POW	10.55	TĂNG	GIẢM	10.55	10.35	0.00%	MUA		12.20		
PVT	13.55	GIẢM	GIẢM		13.90				15.69		
PPC	26.60	TĂNG	TĂNG	26.80	25.10	-0.75%		28.40	24.39	-6.34%	
PTB	68.60	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.00%			72.44		
PVB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.40				19.44		
PVD	13.55	TĂNG	GIẢM	13.55	13.50	0.00%	MUA		15.83		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.00	30.81	0.00%			33.18		
PVS	16.50	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-2.37%			19.30		
PXS	5.78	TĂNG	TĂNG	5.90	5.39	-2.03%		6.20	4.92	-6.77%	
QNS	29.10	TĂNG	TĂNG	27.70	27.54	5.05%			28.87		
REE	34.75	TĂNG	GIẢM	34.75	34.69	0.00%	MUA		38.52		
SAB	191.00	GIẢM	GIẢM		207.65				239.78		
SAM	10.35	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	26.99%		7.40	8.72	39.86%	
SCR	5.25	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-0.94%			5.89		
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	23.03%	
SJS	18.40	TĂNG	TĂNG	16.90	16.64	8.88%		17.00	14.89	8.24%	MUA
SKG	11.35	GIẢM	GIẢM		11.68				13.10		
SSI	17.80	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	11.55	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	5.48%		10.20	9.94	13.24%	
TCB	22.65	TĂNG	GIẢM	22.65	22.54	0.00%	MUA		24.80		
TCM	21.00	TĂNG	TĂNG	21.00	20.74	0.00%	MUA	20.65	18.90	1.69%	
TDH	9.87	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TLH	3.43	GIẢM	GIẢM		3.73			3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNG	16.20	TĂNG	TĂNG	16.20	15.96	0.00%	MUA	15.50	14.03	4.52%	
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	44.19%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		19.20	25.28	31.66%	BÁN
VCS	73.10	TĂNG	GIẢM	71.80	67.57	1.81%			79.65		
VGC	17.60	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	9.30	TĂNG	TĂNG	8.60	8.33	8.14%		9.10	8.95	2.20%	MUA
VHC	34.75	TĂNG	GIẢM	34.75	34.58	0.00%	MUA		41.72		
VHM	86.50	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		17.96			17.70	16.56	-1.13%	

We Create Fortune

VIC	112.00	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%	
VIP	5.12	TĂNG	GIẢM	5.08	4.88	0.79%			5.28		
VJC	129.20	TĂNG	GIẢM	131.20	123.98	-1.52%			146.47		
VND	14.30	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-2.72%	
VNG	18.95	GIẢM	GIẢM		19.50				20.87		
VNM	107.20	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69		
VPB	25.85	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	29.25%		21.90	20.59	18.04%	
VPI	42.40	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.12%		41.30	40.54	2.66%	
VRC	5.90	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69		
VRE	31.25	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-2.34%			34.37		
VSC	25.40	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-5.93%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	25.60	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	6.67%		24.00	22.57	6.67%	
BID	50.80	GIẢM	TĂNG		54.26			33.40	49.22	52.10%	
BSR	7.80	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.50	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
CTG	27.20	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	32.04%		23.55	22.98	15.50%	
FPT	54.10	TĂNG	GIẢM	54.10	53.94	0.00%	MUA		58.90		
GAS	86.00	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	19.00	GIẢM	GIẢM		19.77				20.84		
GVR	10.80	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HDB	29.20	TĂNG	GIẢM	28.40	27.99	2.82%		29.95	29.24	-2.38%	MUA
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	23.80	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	-0.21%	
HVN	27.90	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KDH	25.30	GIẢM	TĂNG		25.31			24.00	24.98	5.42%	BÁN
MBB	21.65	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-0.69%			22.70		
MSN	50.50	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MWG	109.00	GIẢM	GIẢM		111.46				122.49		
NVL	54.40	GIẢM	GIẢM		56.60				59.44		
OIL	7.30	GIẢM	GIẢM		7.55				9.17		
PLX	52.90	GIẢM	GIẢM		53.12				59.63		
PNJ	82.50	GIẢM	GIẢM		85.93				94.79		
POW	10.55	TĂNG	GIẢM	10.55	10.35	0.00%	MUA		12.20		

We Create Fortune

QNS	29.10	TĂNG	TĂNG	27.70	27.54	5.05%			28.87		
REE	34.75	TĂNG	GIẢM	34.75	34.69	0.00%	MUA		38.52		
ROS	9.22	TĂNG	GIẢM	9.22	8.70	0.00%	MUA		13.39		
SBT	19.75	TĂNG	TĂNG	18.50	17.41	6.76%		17.50	17.46	12.86%	
SSI	17.80	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	11.55	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	5.48%		10.20	9.94	13.24%	
TCB	22.65	TĂNG	GIẢM	22.65	22.54	0.00%	MUA		24.80		
TPB	21.05	GIẢM	GIẢM		21.43				23.94		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	44.19%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		18.44	25.28	37.08%	BÁN
VCS	73.10	TĂNG	GIẢM	71.80	67.57	1.81%			79.65		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%			59.45		
VGI	27.90	TĂNG	GIẢM	27.90	24.23	0.00%			28.29		
VHM	86.50	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		17.96			15.00	16.56	16.63%	
VIC	112.00	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%	
VJC	129.20	TĂNG	GIẢM	131.20	123.98	-1.52%			146.47		
VNM	107.20	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69		
VPB	25.85	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	29.25%		21.90	20.59	18.04%	
VRE	31.25	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-2.34%			34.37		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.35	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	3.35%			13.53		
ANV	18.90	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	0.53%			23.43		
ASM	5.75	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BMI	23.90	GIẢM	GIẢM		25.09			26.70	23.99	-10.16%	
BMP	41.30	GIẢM	GIẢM		42.80				48.01		
BWE	21.60	TĂNG	GIẢM	21.00	19.13	2.86%			24.17		
CEO	8.60	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.90	GIẢM	TĂNG		25.44			26.00	22.83	-8.08%	
CRE	22.80	GIẢM	GIẢM		23.47				24.96		
CTI	21.90	TĂNG	GIẢM	22.20	18.91	-1.35%			23.07		
CTR	47.70	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	9.15%	
D2D	54.30	TĂNG	GIẢM	54.90	48.58	-1.09%			71.63		
DBD	54.40	GIẢM	GIẢM		57.21				60.29		

We Create Fortune

DCM	6.06	TĂNG	GIẢM	5.93	5.65	2.19%			6.45		
DGW	27.10	TĂNG	TĂNG	24.85	24.76	9.05%		25.20	22.71	7.54%	
DHC	38.55	GIẢM	TĂNG		40.58			37.70	36.02	2.25%	
DIG	12.65	TĂNG	GIẢM	12.65	12.10	0.00%	MUA		14.11		
DPG	26.70	GIẢM	GIẢM		27.66				37.15		
DPM	12.05	TĂNG	GIẢM	12.05	11.87	0.00%	MUA		13.46		
DRC	23.90	GIẢM	GIẢM		24.62				27.34		
DXG	12.80	TĂNG	GIẢM	12.45	11.38	2.81%			14.22		
E1VFN30	14.46	GIẢM	GIẢM		14.52				15.42		
FCN	9.74	GIẢM	GIẢM		9.88				10.95		
FLC	4.03	GIẢM	GIẢM		4.20				4.98		
GEG	24.80	GIẢM	GIẢM		25.72				27.32		
GMD	19.15	GIẢM	GIẢM		19.77				22.53		
GTN	16.90	GIẢM	GIẢM		17.51				20.52		
HAG	3.58	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HBC	11.15	TĂNG	GIẢM	11.15	11.15	0.00%	MUA		12.34		
HCM	18.95	GIẢM	GIẢM		19.82				23.33		
HDC	21.75	TĂNG	GIẢM	21.35	19.42	1.87%			24.90		
HDG	27.65	GIẢM	GIẢM		28.07				31.87		
HPX	26.55	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.45%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.88	GIẢM	TĂNG		8.64			7.75	7.52	1.68%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HTM	17.30	TĂNG	TĂNG	19.60	16.31	-11.73%		20.00	15.34	-13.50%	
IBC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.80	20.07	1.92%			21.22		
IDI	4.36	GIẢM	GIẢM		4.40				5.38		
IJC	13.85	GIẢM	GIẢM		14.16				16.08		
ITA	2.26	GIẢM	GIẢM		2.36				2.83		
KBC	14.95	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	0.70%	
KDC	18.15	GIẢM	TĂNG		19.21			20.82	18.08	-12.81%	
KOS	28.50	GIẢM	TĂNG		29.75			26.30	26.34	8.37%	
KSB	16.95	TĂNG	GIẢM	16.65	14.81	1.80%			17.89		
LDG	6.45	GIẢM	GIẢM		7.03				8.94		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	0.00%			7.29		
MBG	17.60	TĂNG	GIẢM	17.30	14.41	1.73%			26.71		
MBS	12.10	GIẢM	GIẢM		12.61				15.75		
MPC	23.10	TĂNG	TĂNG	22.00	19.73	5.00%		24.10	19.14	-4.15%	
NBB	19.10	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	8.14	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.49%	BÁN



We Create Fortune

NLG	26.80	GIẢM	TĂNG		26.97			26.28	26.30	1.97%	
NT2	21.20	TĂNG	TĂNG	19.80	19.56	7.07%		20.55	20.20	3.16%	MUA
NTL	20.70	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVB	9.10	GIẢM	TĂNG		9.49			8.50	8.62	7.06%	
OGC	3.38	GIẢM	GIẢM		3.53				3.88		
PC1	15.65	GIẢM	GIẢM		16.05				19.39		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.26%		23.59	25.19	9.77%	
PHR	39.50	TĂNG	GIẢM	38.50	35.34	2.60%			45.56		
PPC	26.60	TĂNG	TĂNG	26.80	25.10	-0.75%		28.40	24.39	-6.34%	
PTB	68.60	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.00%			72.44		
PVD	13.55	TĂNG	GIẢM	13.55	13.50	0.00%	MUA		15.83		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.00	30.81	0.00%			33.18		
PVS	16.50	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-2.37%			19.30		
PVT	13.55	GIẢM	GIẢM		13.90				15.69		
QCG	3.63	GIẢM	GIẢM		3.79				4.28		
SCR	5.25	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-0.94%			5.89		
SGP	6.70	TĂNG	GIẢM	6.70	6.64	0.00%	MUA		8.37		
SHB	7.30	GIẢM	TĂNG		7.71			7.10	5.56	2.82%	
SHS	7.30	TĂNG	GIẢM	7.30	7.22	0.00%	MUA		8.11		
SZC	16.65	TĂNG	GIẢM	15.55	14.14	7.07%			18.18		
TCH	45.10	TĂNG	TĂNG	30.05	43.08	50.08%		26.15	36.91	72.47%	
TCM	21.00	TĂNG	TĂNG	21.00	20.74	0.00%	MUA	20.65	18.90	1.69%	
TDH	9.87	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	16.20	TĂNG	TĂNG	16.20	15.96	0.00%	MUA	15.50	14.03	4.52%	
TTB	3.48	GIẢM	GIẢM		3.59				6.11		
VGC	17.60	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	9.30	TĂNG	TĂNG	8.60	8.33	8.14%		9.10	8.95	2.20%	MUA
VHC	34.75	TĂNG	GIẢM	34.75	34.58	0.00%	MUA		41.72		
VND	14.30	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-2.72%	
VNG	18.95	GIẢM	GIẢM		19.50				20.87		
VPI	42.40	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.12%		41.30	40.54	2.66%	



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.00	GIẢM	GIẢM		7.81			9.00	7.48	-16.87%	BÁN
AGR	3.31	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.06%			3.87		
AMD	1.87	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.00	TĂNG	TĂNG	10.70	10.67	2.80%		9.90	9.31	11.11%	
ART	2.50	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	8.70%	
BCG	6.24	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-5.31%			7.40		
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.90	TĂNG	GIẢM	6.30	5.35	9.52%			10.61		
CCL	5.95	GIẢM	GIẢM		6.61			7.88	6.27	-20.46%	BÁN
CVT	20.60	TĂNG	GIẢM	20.35	19.38	1.23%			22.18		
DAH	8.50	GIẢM	GIẢM		9.01				10.48		
DLG	1.80	GIẢM	GIẢM		1.92				2.30		
DRH	3.98	TĂNG	GIẢM	3.63	3.23	9.64%			4.24		
DTD	10.10	GIẢM	GIẢM		10.30				12.04		
EVG	2.43	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.50	GIẢM	GIẢM		8.56				10.50		
FTM	1.97	TĂNG	GIẢM	1.84	1.63	7.07%			3.13		
FUES SV50	12.60	TĂNG	GIẢM	12.60	12.49	0.00%	MUA		13.06		
GKM	15.90	TĂNG	TĂNG	15.00	15.10	6.00%		14.90	14.67	6.71%	
HAH	10.80	GIẢM	GIẢM		10.89				12.41		
HAI	2.63	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.23	GIẢM	GIẢM		3.41				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.34				10.46		
HHP	12.70	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.04	TĂNG	TĂNG	4.03	3.77	0.25%		3.36	3.16	20.24%	
HID	2.55	TĂNG	TĂNG	2.36	2.34	8.05%		2.63	2.16	-3.04%	
HII	10.75	TĂNG	TĂNG	9.61	9.96	11.86%			10.51		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.05				1.19		
HSL	5.72	GIẢM	GIẢM		6.58				8.34		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	8.10	GIẢM	TĂNG		8.59			3.90	6.94	107.69%	
HVH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.81				16.03		
IDJ	9.80	TĂNG	TĂNG	9.20	8.55	6.52%		7.20	6.50	36.11%	
JVC	3.52	GIẢM	GIẢM		3.76				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	0.00%	
LCG	6.69	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LGL	6.57	GIẢM	GIẢM		7.25				8.55		
LHG	14.85	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LMH	2.58	GIẢM	GIẢM		2.68				5.08		
MST	6.10	TĂNG	TĂNG	5.60	4.89	8.93%		3.40	4.34	79.41%	
NDN	15.00	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.70	GIẢM	GIẢM		10.91				11.91		
PLP	9.20	GIẢM	GIẢM		9.43				10.90		
PVB	16.60	GIẢM	GIẢM		17.40				19.44		
PVC	6.50	TĂNG	GIẢM	6.50	6.39	0.00%	MUA		7.13		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-2.47%		6.70	6.66	17.91%	
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	49.17%	
SJF	1.72	GIẢM	GIẢM		1.84				2.06		
SPP	1.80	TĂNG	GIẢM	1.70	1.48	5.88%			2.27		
TDC	8.25	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	6.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.31	0.00%	MUA	3.20	5.54	100.00%	
TLH	3.43	GIẢM	GIẢM		3.73			3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNA	17.70	GIẢM	GIẢM		19.19				22.82		
TNI	10.25	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-5.96%	
TSC	2.20	GIẢM	GIẢM		2.34				3.21		
TTF	2.58	TĂNG	GIẢM	2.58	2.56	0.00%	MUA		2.97		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-3.70%			2.89		
TVC	24.00	TĂNG	TĂNG	22.00	21.63	9.09%		14.30	18.60	67.83%	
VC3	16.40	GIẢM	TĂNG		17.00			22.00	16.32	-25.45%	
VCR	10.30	TĂNG	GIẢM	9.40	7.70	9.57%			12.75		
VNA	2.60	GIẢM	GIẢM		3.10				3.99		
VNE	3.56	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.90	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	937.68	0.32%
VN30	863.23	0.80%
VN Mid	906.11	1.17%
VN Small	733.53	1.38%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.51	3.56%
HN30	188.59	2.67%
VNX AllSh	826.21	0.72%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.91	0.43%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1001.27	
Bán	1048.58	
GT ròng	-47.31	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	8.94	
Bán	13.81	
GT ròng	-4.87	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.83	
Bán	15.61	
GT ròng	-1.78	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
POW	690	7.00%
ROS	600	6.96%
VHC	2250	6.92%
TCM	1350	6.87%
PC1	1000	6.83%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACB	1900	8.02%
TNG	1000	6.58%
L14	2900	5.70%
TIG	300	4.92%
TVC	900	3.90%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	4800	6.56%
VGX	500	5.68%
MPC	1100	5.00%
OIL	300	4.29%
HND	600	3.64%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TLG	-1100	-2.83%
TNA	-500	-2.75%
SHI	-200	-2.27%
CTG	-550	-1.98%
SAB	-3000	-1.55%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	-400	-2.17%
CSC	-400	-1.16%
DHT	-500	-1.03%
PVI	-200	-0.62%
NTP	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	-100	-1.41%
GVR	-100	-0.92%
VEA	-100	-0.23%
BOT	0	0.00%
DGT	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	378,832	
VCB	331,574	
VHM	284,543	
BID	204,319	
VNM	186,676	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,407	
SHB	12,814	
VCS	11,696	
VCG	11,087	
PVS	7,886	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	130,293	
VEA	58,455	
MCH	48,640	
GVR	43,484	
BCM	27,348	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
TCB	24,122,240	2,897,263
STB	14,679,180	8,081,356
MBB	11,080,490	7,128,051
CTG	10,445,730	8,513,539
HPG	9,719,400	8,278,957

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ACB	11,021,399	3,088,993
SHB	10,059,390	9,389,150
NVB	2,979,410	1,924,678
ART	2,759,981	1,392,397
PVS	2,333,790	2,298,303

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	1,453,371	2,304,631
LPB	1,231,874	977,766
NTC	852,281	43,424
VGX	720,834	249,361
VIB	653,767	739,299

Nguồn: Bloomberg & YSVN

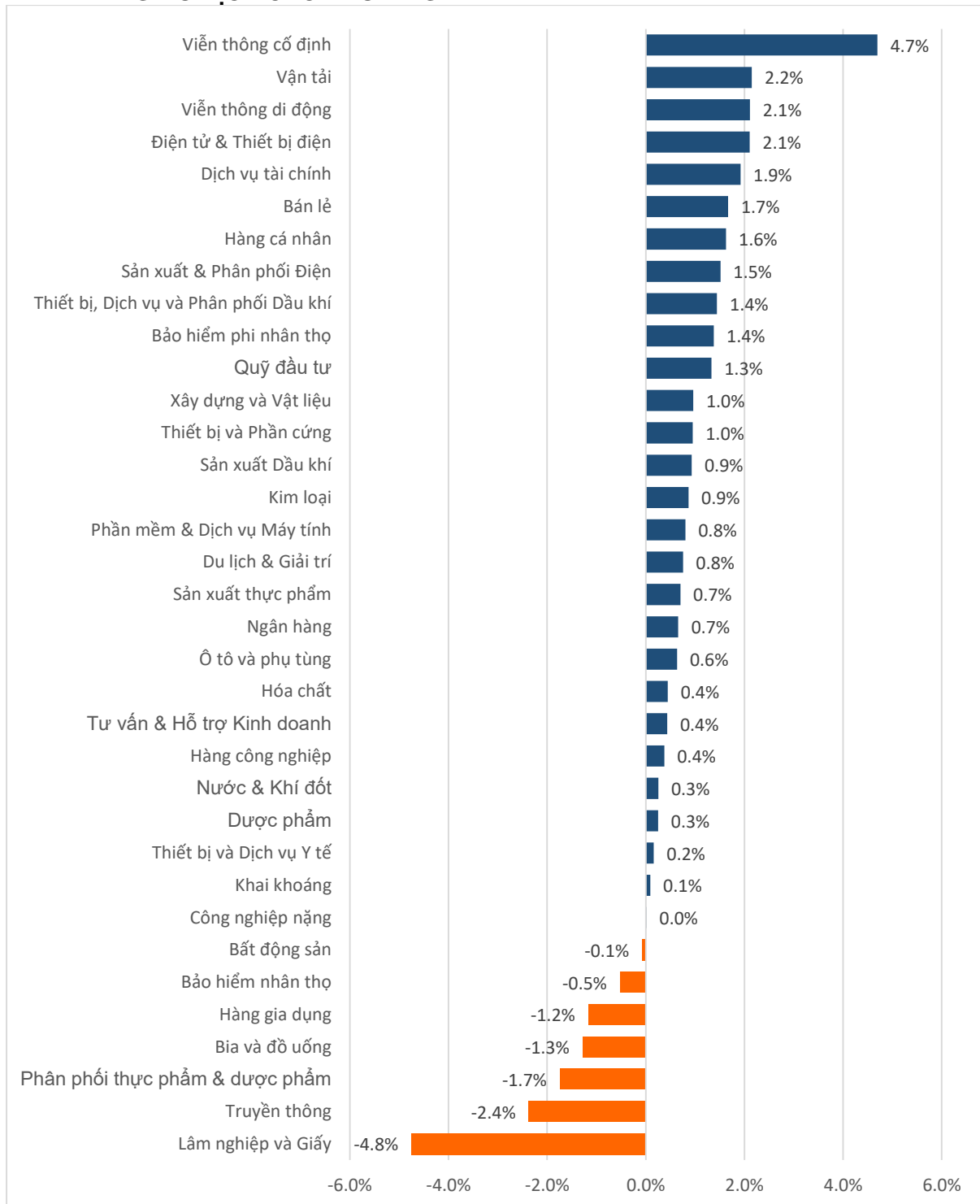
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



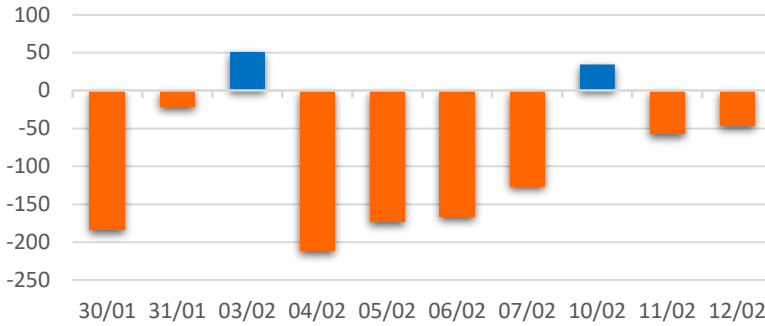
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

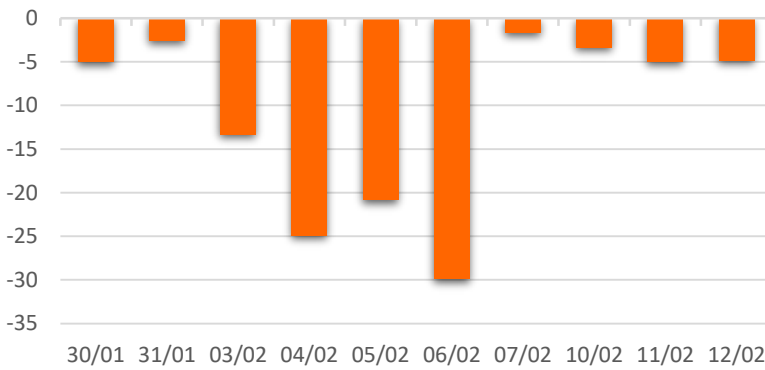
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	27,173	KBC	14,685
HPG	13,743	MSN	13,541
PLX	5,615	VNM	10,665
VHM	5,094	VIC	10,309
NT2	4,293	PC1	9,185

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

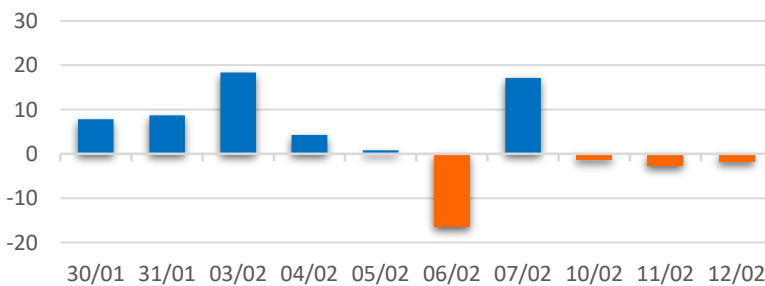
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	469	PVS	3,049
SHB	312	NTP	2,240
TNG	279	SCI	843
VCS	222	NHA	198
VCG	201	DNP	148

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	1,559	LPB	1,995
VEA	867	MPC	1,241
VGG	356	ACV	1,133
MCH	353	QNS	954
ABI	218	BCM	300

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



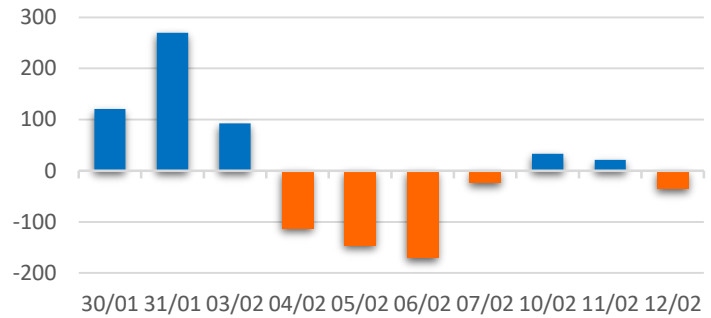
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

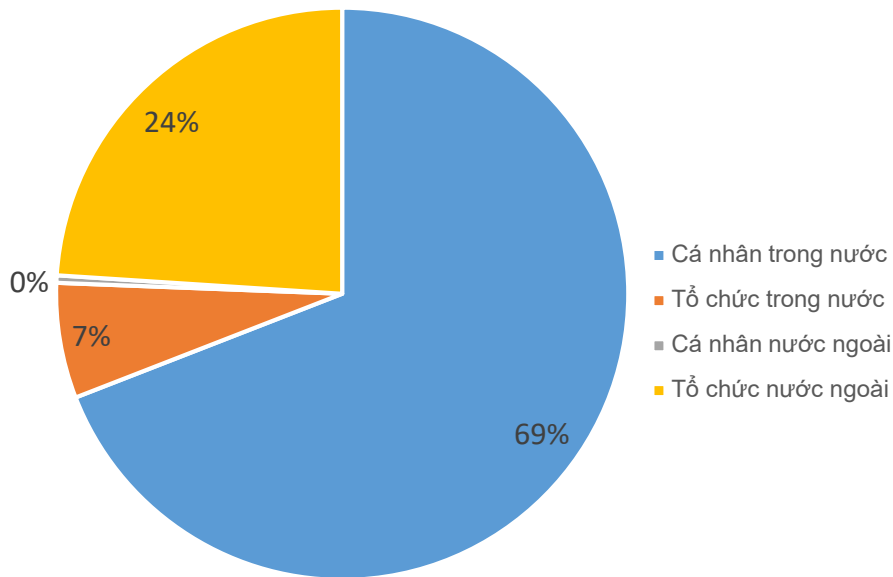
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
STB	14,109	E1VFN30	34,914
MBB	13,713	MBB	20,609
MWG	9,937	PLX	11,832
PVD	8,958	MWG	10,528
VCB	8,266	REE	5,917

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

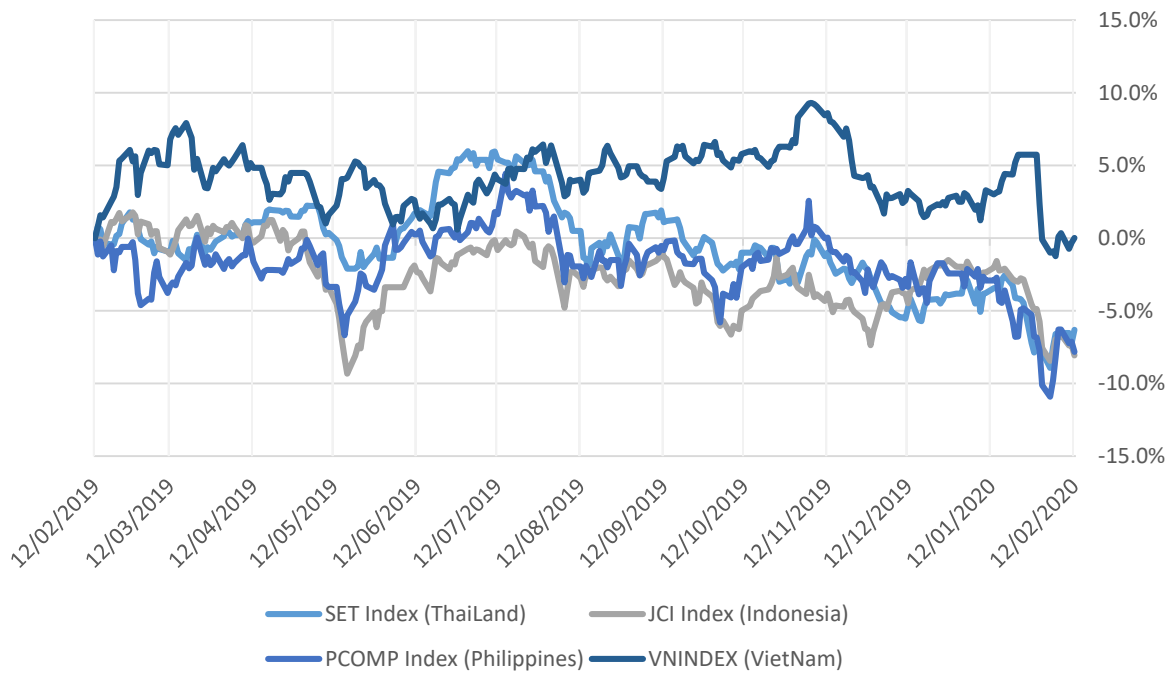


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

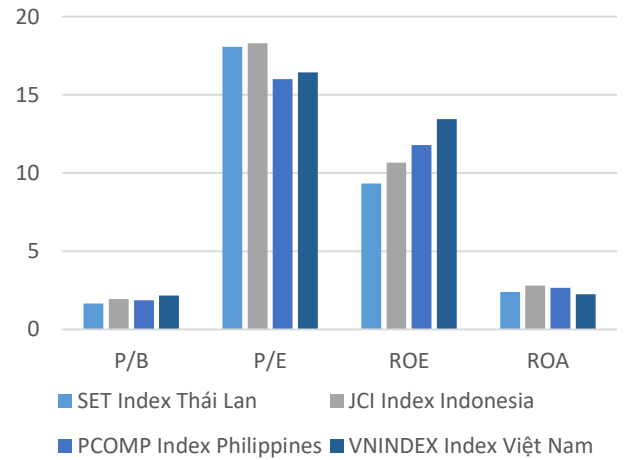
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	1.9x	1.9x	2.2x
P/E		18.1x	18.3x	16.0x	16.4x
ROE	%	9.33	10.66	11.79	13.45
ROA	%	2.39	2.81	2.66	2.24
Vốn hóa	Tỷ USD	517.35	505.29	183.30	137.68
GTGD	Triệu USD	1.47	0.30	0.06	0.12
LS cổ tức	%	3.39	2.55	1.69	2.06

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written